

Quỹ ETF Techcom Capital VNX50
Được quản lý bởi
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF
Managed by
Techcom Capital JSC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026
Hanoi, day 26 month 03 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ Name of FMC :** Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương (“TCC”)/*Techcom Capital Joint Stock Company*
 - Tên Quỹ ETF niêm yết/ Name of listed fund:** Quỹ ETF Techcom Capital VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*
 - Mã chứng khoán/ Stock Code:** FUETCC50
 - Địa chỉ/ Address:** Tầng 20, Tòa nhà Techcombank, Số 6 Phố Quang Trung, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội/ *20th Floor, Techcombank Building, No. 6 Quang Trung Street, Cua Nam Ward, Hanoi City.*
 - Email:** IB.Quanlyquy@techcombank.com.vn **Website:** <https://www.techcomcapital.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố/ Content of disclosure information:**
Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ Quỹ ETF Techcom Capital VNX50 trong năm tài chính 2025/ *Annual report on management operations of Techcom Capital VNX50 for the financial year 2025.*
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 26/03/2026 tại đường dẫn: <http://www.techcomcapital.com.vn/> *This information was published on the company's/fund's website on March 26, 2026 at: http://www.techcomcapital.com.vn*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:


- Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ Quỹ ETF Techcom Capital VNX50 năm tài chính 2025.
Annual report on management operations of Techcom Capital VNX50 for the financial year 2025.



Trân trọng/*Sincerely*./.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ KỸ THƯƠNG
TECHCOM CAPITAL JOINT STOCK COMPANY

Người được ủy quyền CBTT

Person authorized to disclose information 



Phí Tuấn Thành

Tổng Giám Đốc/ Chief Executive Officer



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Techcom Capital Joint Stock Company

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026
Hanoi, March 26, 2026

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ
QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50

REPORT ON MANAGEMENT OPERATION OF FUND MANAGEMENT COMPANY
TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF

Kính gửi/To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam,*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange.*



MỤC LỤC/ CONTENTS

Trang/Pages

1.	Thông tin chung về Quỹ/ <i>The Fund's general information</i>	1
2.	Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ/ <i>Reporting on operations of the Fund</i>	3
3.	Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ/ <i>Reporting on management of assets by the fund management company</i>	6
4.	Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát/ <i>Reporting on operations of the Supervisory Bank</i>	9
5.	Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ <i>Reporting on authorized activities</i>	9

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

Thông tin chung/ *General information*

1. Thông tin chung về Quỹ/*The Fund's general information*

a) Tên của Quỹ, loại hình quỹ/*Fund name, fund type:*

Tên của Quỹ/*Fund name:* QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*.

Loại hình Quỹ/*Fund type:* Quỹ ETF/ *Exchange-traded fund*.

b) Mục tiêu đầu tư của Quỹ/*The Fund's investment objective:*

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động (performance) của chỉ số VNX50. Quỹ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ số tham chiếu. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với Chỉ số tham chiếu, không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao.

Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn Chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

The primary objective of the Fund is to replicate the performance of VNX50 ("the reference index"). The Fund implements a passive investing strategy to carry out its pre-set investment objectives. The Fund shall seek for achieving a performance result which is similar to the reference index and shall not implement the defense strategy when the market declines and shall not realise its profits when the market is pricing too high.

The passive investing is aimed to reduce the costs and make closer replication of the reference index by keeping a ratio of investment capital turnover lower than the ratio used by funds which implement the active investment strategy.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ/*Operating period of the Fund:*

Quỹ hoạt động kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập và có thời hạn hoạt động vô thời hạn.

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 và được niêm yết trên sàn HSX từ ngày 11 tháng 03 năm 2025 với mã chứng khoán là FUETCC50.

The Fund has been operating since the State Securities Commission of Vietnam issued the Establishment registration certificate, and the Fund has an indefinite life.

The Fund started its operation from 20 January 2025 and started listing on the Hochiminh Stock Exchange from 11 March 2025 with the stock code: FUETCC50.

d) Danh mục tham chiếu/*Benchmark index of the Fund:*

Danh mục chỉ số VNX50/ *the VNX50 index*.

e) Chính sách phân chia lợi nhuận/*Profit distribution policy of the Fund:*

Quỹ thực hiện phân phối lợi nhuận theo quy định tại Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư, Điều lệ Quỹ và các quy định pháp luật về chứng khoán.

Theo quy định của Điều lệ quỹ hiện tại, Quỹ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50 không phân phối lợi nhuận để hạn chế tối đa chi phí phát sinh cho nhà đầu tư. Toàn bộ lợi nhuận của Quỹ trong quá trình hoạt động sẽ được tái đầu tư để gia tăng giá trị tài sản của Quỹ.

The Fund distributes its profits to fund certificate holders in accordance with Resolutions of General Meetings of Investors, the Fund Charter and prevailing securities regulations.

According to the current Fund's Charter, TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF shall not distribute its profits to minimize costs incurred for investors. The operating profit of the Fund shall be accumulated to increase the net asset value of the Fund.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2025: 8.600.000 chứng chỉ Quỹ ("*CCQ*")/*The number of outstanding fund certificates as at 31 December 2025 : 8,600,000 fund certificates.*

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có)/*Amendments to the Fund Charter during the reporting period:* Không có/ *None.*

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

Thông tin chung/ General information

- h) Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu tư trong kỳ báo cáo/Details of the Resolutions of the General Meeting of Investors during the reporting period: Không có/ None.*
- i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán/Opinions of the supervisory bank about the contents specified in the Circular providing guidance on operations and management of securities investment funds.*

Xin xem chi tiết tại Mục 4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát.

Please see details in Section 4. Report on the supervisory activities of the supervisory bank.

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của Quỹ/ *Reporting on operations of the Fund*

a) *Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có)/ Information about the investment portfolio and the NAV of the Fund determined at 31/12 of the latest 3 years (if any):*

- Danh mục đầu tư của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán)/ *The investment portfolio of the Fund, sorted by business sectors/fields and product types (stocks, bonds, etc.) (details about the entire portfolio by ticker symbol are not required);*

Danh mục đầu tư được phân bổ theo tài sản như sau/ *The investment portfolio is sorted by asset classes:*

Cơ cấu tài sản quỹ <i>Fund's assets structure</i>	31/12/2025	30/06/2025
Danh mục chứng khoán/ <i>Investment portfolio</i>	98.46%	98.14%
Tài sản khác/ <i>Other assets</i>	1.54%	1.86%
Cộng/Total	100%	100%

Danh mục đầu tư được phân bổ theo ngành như sau/ *The investment portfolio is sorted by sectors:*

STT / No.	Ngành/ Sectors (% NAV)	31/12/2025	30/06/2025	31/01/2025
1	Ngân hàng/ Banks	39.9%	47.7%	42.6%
2	Bất động sản/ Real Estate	27.2%	14.9%	11.0%
3	Công nghệ Thông tin/ Technology	5.6%	7.5%	10.6%
4	Thực phẩm và đồ uống/ Food & Beverage	5.1%	6.6%	5.1%
5	Tài nguyên Cơ bản/ Basic Resources	4.5%	5.3%	5.5%
6	Bán lẻ/ Retail	4.2%	4.2%	5.6%
7	Dịch vụ tài chính/ Financial Services	3.7%	4.0%	4.1%
8	Hóa chất/ Chemicals	2.8%	2.5%	1.8%
9	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp/ Industrial Goods & Services	2.0%	2.4%	1.9%
10	Dầu khí/ Oil & Gas	1.3%	0.9%	0.8%
11	Du lịch và Giải trí/ Travel & Leisure	1.0%	0.8%	2.0%
12	Hàng cá nhân & Gia dụng/ Personal & Household Goods	0.8%	0.8%	1.9%
13	Xây dựng và Vật liệu/ Construction & Materials	0.3%	0.4%	0.4%
14	Điện, nước & xăng dầu khí đốt/ Utilities	0.1%	0.1%	0.3%
15	Ô tô và phụ tùng/ Automobiles & Parts	0.0%	0.0%	0.3%
16	Tiền và tài sản khác/ Cash and other assets	1.5%	1.9%	6.1%
	TỔNG/ TOTAL	100.0%	100%	100%

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

- Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, số lượng chứng chỉ quỹ; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong năm; Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính); Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính);

Chỉ tiêu/ Indicators	31/12/2025	30/06/2025
Giá trị tài sản ròng của Quỹ/ <i>NAV</i> (VND)	127,959,538,895	69,249,137,205
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành <i>Total fund units in circulation</i>	8,600,000	6,300,000
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (VND/CCQ) <i>Net asset value per fund unit</i>	14,879.01615	10,991.92654
Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) <i>The highest net asset value per fund unit during the reporting period</i>	15,014.89708	10,991.92654
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND) <i>The lowest net asset value per fund unit during the reporting period</i>	8,606.77000	8,606.77000
Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) <i>Operating expenses/Average NAV during the period</i>	1.72%	1.90%
Tốc độ vòng quay danh mục (%) <i>Turnover of investment portfolio</i>	24.17%	27.08%

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập); *Total profits of the Fund, including detailed information about profits accrued from the growth in securities price (capital gains) and profits accrued from yields on securities (dividends, coupons, deposit interests, etc.) (income value):*

Chỉ tiêu/ Indicators	31/12/2025	30/06/2025
Tổng thu nhập của Quỹ/ <i>Total income of the Fund</i> (VND) Trong đó/ <i>in which:</i>	34,838,940,863	6,724,206,913
Cổ tức được chia <i>Dividend income</i>	2,306,709,000	1,664,194,000
Tiền lãi được nhận <i>Interest income</i>	4,832,413	3,170,763
Lãi (lỗ) bán các khoản đầu tư <i>Realized gain (losses) from disposal investments</i>	5,239,329,159	(270,520,858)
Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện <i>Unrealized gain (losses) from investment revaluation</i>	27,288,070,291	5,327,363,008
Tổng chi phí/ <i>Total expenses</i> (VND):	1,383,802,442	534,987,920
Tổng lợi nhuận/ <i>Total profits</i> (VND):	33,455,138,421	6,189,218,993

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

Distributed profits per fund unit (net value and gross value) in the reporting period, including profits distributed in cash or by fund units; Time of profit distribution; NAV per fund unit determined before and after the profit distribution: None

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo; Không có

Information about loans and amounts payable of the Fund (if any), repo/reverse repo transactions: None

b) *Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/Profit indicator of the Fund:*

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo xác định/ *Average annual profit of the fund during the reporting period shall be determined:*

(i) Trong thời hạn 12 tháng (01 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm); hoặc (ii) Trong thời hạn 36 tháng (03 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 3 năm); hoặc (iii) Trong thời hạn 60 tháng (05 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 05 năm);

(i) Within 12 months (1 year) up to the reporting date (or from the establishment of the fund to the reporting date if the fund has been operating for less than 1 year); or (ii) Within 36 months (3 years) up to the reporting date (or from the establishment of the fund to the reporting date if the fund has been operating for less than 3 years); or (iii) Within 60 months (5 years) up to the reporting date (or from the establishment of the fund to the reporting date if the fund has been operating for less than 5 years)

Chỉ tiêu/ Indicators	31/12/2025	30/06/2025
Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong kỳ báo cáo/ <i>Average annual profit of the fund during the reporting period shall be determined:</i> <i>(i) Trong thời hạn 12 tháng (01 năm), tính tới ngày lập báo cáo (hoặc tính từ thời điểm lập quỹ tới ngày báo cáo nếu quỹ hoạt động dưới 1 năm) Within 12 months (1 year) up to the reporting date (or from the establishment of the fund to the reporting date if the fund has been operating for less than 1 year)</i>	33,455,138,421	6,189,218,993

c) *Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc/ Other comparison criteria which must comply with the following rules:*

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác : nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

Methods and rules for determination of value of assets and profits are consistently applied, publicly announced and audited by another independent organization: Methods and rules for determination of value of assets are described in the Fund Charter and Valuation Handbook of the Fund.

Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập : Bảng báo giá chứng khoán được cung cấp bởi 3 Cty Chứng khoán độc lập của Quỹ và được Ban Đại diện phê duyệt hàng năm

Data and figures are provided by an independent organization: the quotations are provided by three independent brokers approved by BOR annually.

d) *Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.*

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ/ Reporting on management of assets by the fund management company

Recommendation: the previous information about operating results of the fund is for reference only and does not mean that the investor's profit from investment is guaranteed.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ / Reporting on management of assets by the fund management company

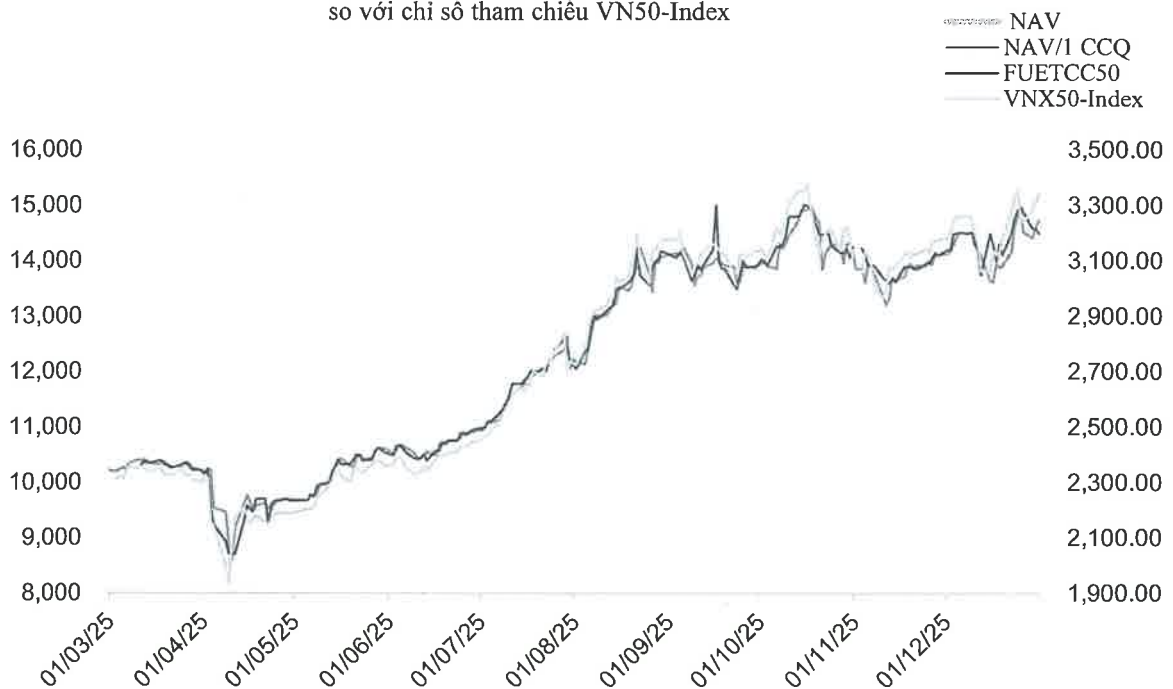
a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không

Explanations about the replacement of the fund management company (if any): None

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ)/ Explanations about the fulfillment of investment objectives by the fund (if the annual report of the fund/securities investment company is submitted):

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị);/ Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus of the same reporting period (via graph):

Biến động NAV/1 CCQ và giá thị trường chứng chỉ Quỹ FUETCC50 so với chỉ số tham chiếu VN50-Index

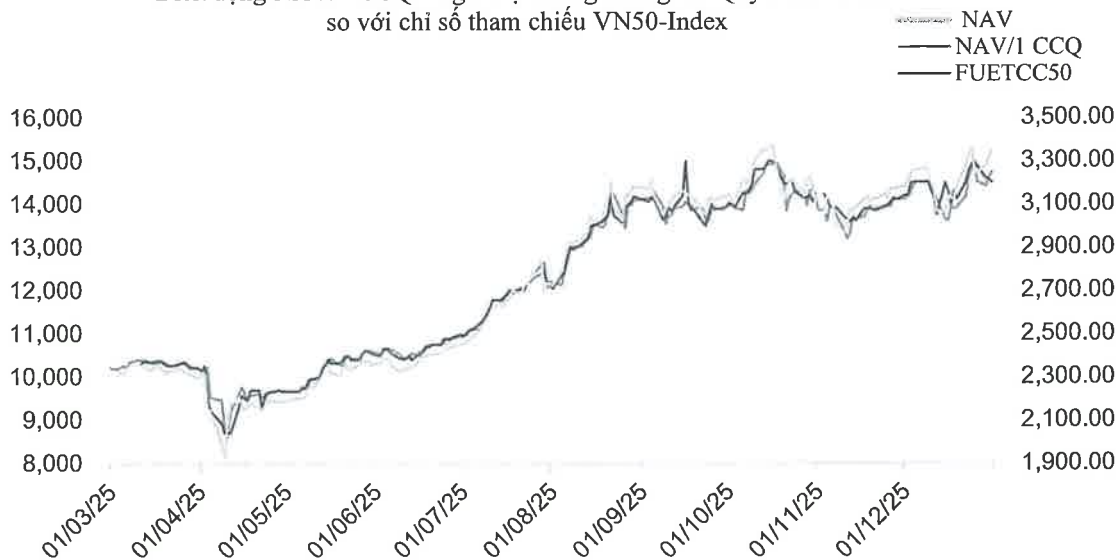


d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị); Comparison between the profits earned by the fund and the benchmark portfolio's profits, underlying indexes specified in the prospectus in the prospectus for the period of 05 recent years, up to the reporting date (via graph):

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

Biến động NAV/1 CCQ và giá thị trường chứng chỉ Quỹ FUETCC50 so với chỉ số tham chiếu VN50-Index



- e) *Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ; Description of the investment strategy and tactics the Fund employed during the reporting period. If the investment strategy and tactics applied in the period differ from those published in the Fund Prospectus, a supplemental explanation and evaluation of the advantages and disadvantages of the investment strategy and tactics applied during the period must be provided:*

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ phải phù hợp với danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản theo quy định và bảo đảm mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu gần nhất không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và quy định của Pháp Luật. *The Fund applies a passive investment strategy with the goal of tracking closely the rate of return of the benchmark index by investing in the securities basket of the benchmark index. The Fund will also invest in bills, bonds, valuable papers and other fixed income assets with good credit quality, ensuring capital recovery and earning fixed income for the Fund. The Fund has a flexibility in allocating investment assets depending on the market situation and investment opportunities at different times based on the assessment of the Fund Management Company aligned to the objective throughout the Fund's life which is to protect the interests of fund certificate holders.*

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật. *The Fund has the flexibility to allocate investment assets depending on market conditions and investment opportunities at different times based on the Fund Management Company's assessment, with the overarching objective throughout the Fund's entire operating period to protect the interests of investors. However, the allocation of investment assets must not exceed the investment restrictions stipulated in the Fund Charter, Fund Prospectus, and legal regulations*

- f) *Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo; The Fund's investment portfolio on the reporting date compared to that as of end of the previous year:*

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2025 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30/06/2025 khi tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu vẫn chiếm trên 98% tổng tài sản, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số. The Fund's investment portfolio structure as of 31 December 2025 did not change significantly compared to the Fund's investment portfolio structure as of 30 June 2025 given the investment ratio in stocks still accounted for over 98% total Fund assets, as the Fund is an exchange-traded fund that replicates the index.

- g) *Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất /The Fund's performance comparison of NAV per fund certificate (after adjustment of the distributed profits, if any) at the end of this reporting period versus the previous reporting period:*

Chỉ tiêu <i>Indicators</i>	31/12/2025	20/01/2025	Tỷ lệ thay đổi <i>Change rate</i>
Giá trị tài sản ròng của Quỹ/ <i>NAV</i>	127,959,538,895	61,000,000,000	109.77%
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị <i>CCQ /NAV per fund unit</i>	14,879.01615	10,000.00	48.79%

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, NAV/CCQ tăng 48,79% so với thời điểm ngày 20 tháng 01 năm 2025 chủ yếu do giá thị trường của các khoản đầu tư của Quỹ tăng.

The Fund's NAV per ETF certificate as at 31 December 2025 increased by 48.79% as compared with as at 20 January 2025 mainly due to the increases in market price of the Fund's investments.

- h) *Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap).. /Market review for the reporting period, including foreign markets in which the Fund invests, and information on investment returns for each asset class: equities, blue-chip stocks, and small-cap stocks, etc.:*

Mặc dù đối mặt với nhiều thách thức trong năm 2025 như chính sách thuế quan mới của Mỹ, thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn chứng kiến sự hồi phục đáng kể nhờ các yếu tố vĩ mô tích cực như mặt bằng lãi suất thấp, nỗ lực nâng hạng thị trường và hoàn thiện khung pháp lý, đẩy mạnh đầu tư công và phục hồi sản xuất, xuất nhập khẩu... Trong đó, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mốc 1,784 điểm – tăng 40.7% so với thời điểm cuối năm 2024. Chỉ số VNX50 đại diện cho 50 công ty có giá trị vốn hóa, tính thanh khoản và tỷ lệ tự do chuyển nhượng hàng đầu trong rổ cổ phiếu VNX Allshare có mức tăng 47.8% so với thời điểm cuối năm 2024. Thanh khoản toàn thị trường đạt mức giao dịch trung bình 29,323 tỷ đồng/phiên – tăng 39.7% so với trung bình cả năm 2024 là 20,985 tỷ đồng/phiên./*Despite encountering several challenges in 2025, including new trade tariffs from the United States, the Vietnamese stock market has experienced a notable recovery, supported by positive macroeconomic factors. These include the maintenance of low interest rates, efforts to upgrade the market's status, the refinement of the legal framework, increased public investment, and a recovery in production activities as well as import – export activities. As of the end of the period, the VN-Index closed at 1,784 points, reflecting an increase of 40.7% compared to the close of 2024. Additionally, the VNX50 index, which tracks the top 50 companies in terms of market capitalization, liquidity, and free float within the VNX Allshare basket, saw a gain of 47.8% compared to the end of the previous year. Market liquidity also showed a positive trend, with an average daily liquidity of VND 29,323 billion, representing a 39.7% increase compared to the 2024 average of VND 20,985 billion per session.*

- i) *Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách)/Information about fund unit split during the period (if any); the impact of fund unit split and Net Asset Value per fund certificate (before and after the split):*

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

Quỹ không thực hiện việc chia tách Chứng chỉ Quỹ trong kỳ.

The Fund did not carry out any fund split during the period.

- j) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ/Events that may affect the rights of fund unit-holders/investors: không có/none.*
- k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có)/ Transactions with related parties: không có/none.*
- l) Các thông tin khác (nếu có)/Other information: không có/none.*

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát/ *Reporting on operations of the Supervisory Bank*

Ngân hàng giám sát Quỹ ETF Techcom Capital VNX50 đưa ra ý kiến đối với việc quản lý Quỹ trong giai đoạn tài chính từ ngày 20 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 với các nội dung dưới đây/ *The Supervisory Bank of Techcom Capital VNX50 ETF has managed the operations of the Fund with the following contents:*

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ/ *The Fund's asset custody has complied with current securities laws and relevant legal documents, the Fund's Charter and Prospectus.*

b) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan/ *Techcom Capital Joint Stock Company has complied with the investment limit regulations as stipulated in the current securities laws regarding exchange-traded funds, the Fund's Charter, the Fund's Prospectus, and relevant legal documents.*

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/ *The Fund's valuation and Net Asset Value assessment was conducted in conformity with the Fund's Charters, the Fund's Prospectus and relevant legal documents.*

d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan/ *The subscription and redemption of the Fund Certificates have complied with the Fund's Charters, the Fund's Prospectus and relevant legal documents.*

e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư/ *During the reporting period, the Fund did not carry out any profit distribution activities to investors.*

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền/ *Reporting on authorized activities*

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:/ *The Fund Management Company must prepare a report on the assessment of the quality of services provided by other organizations (authorized parties), such as transfer agent services, fund administration services, net asset value determination services, etc., with the following details:*

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Hà Thành cung cấp dịch vụ quản trị quỹ Bank for Investment and Development of Vietnam JSC – Ha Thanh Branch provides the fund admin services
- Tổng Công Ty Lưu ký Và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation provides the transfer agent services

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

- a) **Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của Quỹ: *Fees paid to the authorized parties compared to the Fund's profit, income, and total operating expenses:***

Tỷ lệ giá dịch vụ phải trả cho bên nhận ủy quyền với thu nhập/ tổng chi phí hoạt động/ lợi nhuận trong kỳ <i>Fees paid to the authorized parties compared to the Fund's income, total operating expenses and profit</i>		Tổng thu nhập, doanh thu trong kỳ <i>Total income during the period</i>	Tổng chi phí cho hoạt động trong kỳ <i>Total expenses during the period</i>	Tổng lợi nhuận trong kỳ <i>Total profit during the period</i>
Giá trị/ <i>Net value</i>		34,838,940,863	1,383,802,442	33,455,138,421
Giá dịch vụ quản trị quỹ trong kỳ <i>Fund admin fee during the period</i>	187,887,097	0.54%	13.58%	0.56%
Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong kỳ <i>Transfer agent fee during the period</i>	69,725,807	0.20%	5.04%	0.21%
	257,612,904	0.74%	18.62%	0.77%

- b) **Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản)/ *Registration of asset ownership (for real estate securities investment companies):***

Không áp dụng/Not applicable

- c) **Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ/ *The impacts (if any) of authorized activities on the Fund's profit and risk level:***

Chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, do đó không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

The Fund's expenses increased due to fees paid to those authorized parties, but insignificantly; therefore, there is no impact on the Fund's operations.

- d) **Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ)/ *Total expenses of authorized activities payable to the authorized parties (in case the authorized parties provide multiple services to the Fund Management Company):***

Chi tiêu/ <i>Items</i>	Chi phí trong kỳ <i>Fee paid in the reporting period</i>
Giá dịch vụ quản trị quỹ trong kỳ <i>Fund admin fee during the period</i>	187,887,097
Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong kỳ <i>Transfer agent fee during the period</i>	69,725,807
	257,612,904

QUỸ ETF TECHCOM CAPITAL VNX50/ *TECHCOM CAPITAL VNX50 ETF*

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ/ *Reporting on management of assets by the fund management company*

- e) *Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư/ Assess the ability to maintain the internal control system, risk management, security, technical infrastructure, hot backup system, disaster backup system... of the authorized party, ensuring that the authorized activities are carried out smoothly and do not affect the investor's investment activities:*

Các bên nhận ủy quyền đều đáp ứng được yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật ..., do đó, đảm bảo quy trình nghiệp vụ được ủy quyền diễn ra thông suốt, không bị gián đoạn. *All authorized parties meet the requirements for internal control systems, risk management, security, technical and physical infrastructure, etc., therefore, the process of delegated activities are carried out seamlessly, without interruption.*

Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2026/ Hanoi, March 2026



Phí Tuấn Thành

Tổng Giám đốc/ Chief Executive Officer

